TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/HN-ST
Ngày: 27/03/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh**.
Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông **Hồ Thanh Nguyên**
2. Ông **Trần Thanh Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà **La Thị Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 647/2018/TLST- HN ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh H,** sinh năm 1985.
Địa chỉ: 134 ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Quốc N,** sinh năm: 1982
Địa chỉ: 134 ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Tại phiên tòa chị H, anh N có mặt,)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh N tự nguyện chung sống năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N có mối quan hệ tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác

bên ngoài. Chị H có gặp anh N và người phụ nữ đó, anh N có thừa nhận với chị, còn người phụ nữ đó không thừa nhận. Được gia đình hàn gắn chị và anh N chung sống bình thường. Đến ngày 09 tháng 4 năm 2018 chị phát hiện anh N lại có quan hệ tình cảm nam nữ với một người phụ nữ khác, anh N lại hứa sẽ không gặp người phụ nữ đó nữa, nhưng sau đó chị phát hiện anh N vẫn còn gặp nhau. Ngoài ra có lần anh N dùng dao hâm dọa chị nếu chị nộp đơn ly hôn, sự việc gây cải có công an xã Q xuống lập biên bản. Từ tháng 10 năm 2018 chị đã sống ly thân với anh N cho đến nay. Chị xác định tình cảm của chị không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho chị.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh N có một con chung tên Nguyễn Quốc T sinh ngày 24/12/2013.Tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 03/01/2019 chị H yêu cầu chị được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 15/02/2019 và tại phiên Tòa chị H đồng ý cho anh N nuôi con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Quốc N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng thì chị H cho rằng anh quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác là hoàn toàn không có, chỉ là quan hệ bạn bè. Anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị H hiểu lầm anh. Vợ chồng mâu thuẫn xung đột, công an xã Q có xuống lập biên bản về sự việc vợ chồng anh có gây cải làm mất trật tự khu dân cư. Anh không đồng ý ly hôn, lý do anh vẫn còn yêu thương vợ con.

Về con chung: Nếu trường hợp Tòa buộc ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nếu trưởng hợp Tòa buộc ly hôn anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Tại biên bản xác minh ngày 06/3/2019, tháng 9 năm 2018 chị H và anh N có xảy ra tranh cải làm mất trật tự địa phương. Khi chị H đang sống cùng con trai tại khu nhà ở G, anh N có đến và anh chị xung đột, khiến chị H dọn về sống tại Vĩnh Long từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Theo kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhận của chị H và anh N phù hợp với lời trình bày của chị H. Mặc khác hiện tại chị H và anh N đã sống ly thân, chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về con chung thì tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu nuôi con, nhưng tại phiên tòa chị đồng ý để anh N nuôi. Anh N cũng đồng ý nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của anh N và chị H nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh N thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Quốc N sống chung vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2011, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H yêu cầu giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo biên bản xác minh tại Ban quản lý khu nhà ở Khu công nghiệp G của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành ngày 06/03/2019 thể hiện chị H và chị N thật sự có xảy ra mâu thuẫn, trong quá trình xảy ra mâu thuẫn chị H đã dọn về sống tại tỉnh Vĩnh Long từ tháng 10 năm 2018 và ly thân với anh N cho đến nay. Từ thời gian đó cho đến nay anh N và chị H không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, anh N vẫn không đồng ý ly hôn vì cho rằng con anh còn nhỏ, anh còn thương vợ con, nhưng anh lại không đưa ra biện pháp nào để vợ chồng có thể quay về chung sống với nhau. Thực tế, chị H và anh N đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay, đây là thời gian đủ dài để chị H và anh N có thể nhận ra những sai sót, khiếm khuyết, sửa chữa và hàn gắn. Tuy nhiên, anh N và chị H vẫn không làm được. Điều đó cho thấy đời sống chung vợ chồng đã không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[4]Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh N thống nhất không tranh chấp nuôi con, chị H đồng ý giao con chung cho anh N nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh N cũng thống nhất nếu trường hợp Tòa buộc ly hôn anh yêu cầu anh được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao cháu Nguyễn Quốc T cho anh N nuôi dưỡng và tạo điều

kiện chị H tới lui thăm nom, chăm sóc con chung là phù hợp. Ghi nhận việc anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[6] Ghi nhận chị H và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung: Chị H và anh N cùng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị H và anh N cùng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Quốc N.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc N.

Về con chung: Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Quốc N được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quốc T sinh ngày 24/12/2013. Ghi nhận việc anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận chị H và anh N không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị H và anh N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị H và anh N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00020625 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UB xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.